TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2026/DS-ST
Ngày: 12-9-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị B, sinh ngày 28/11/1976; Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị Tuyết V, sinh ngày 01/01/1967; Có mặt; Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1964; Vắng mặt; Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Phan Thị Tuyết V theo ủy quyền là anh Huỳnh Liêm D, sinh ngày 04/4/1993; Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 17 tháng 6 năm 2026); Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị Hồng N, sinh ngày 21/4/1984. Địa chỉ: Tổ A, khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị B, trình bày: Vào ngày 04/6/2024, vợ chồng ông L, bà V có vay của bà số tiền 450.000.000 đồng. Vợ chồng ông L, bà V vay tiền của bà để đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày. Việc vay tiền có làm biên nhận nợ, do bà V đi vay một mình và ký tên, nhưng bà V và ông L là vợ chồng, nên không cần ông L ký tên. Khi đến hạn, vợ chồng ông L, bà V không trả tiền cho bà, đã liên hệ nhiều lần, ông bà hứa nhưng không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Tuyết V, ông Huỳnh Thanh L phải trả số tiền vay còn nợ gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 6/2024 đến tháng 11/2025 là 450.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 18 tháng là 129.600.000 đồng. Tổng cộng 579.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Đối với việc bị đơn cho rằng bà N có chuyển tiền cho bà vào ngày 15/8/2024, số tiền 500.000.000 đồng, tại phiên tòa, bà xác định bà Lê Thị Hồng N có chuyển tiền cho bà. Việc bà N chuyển tiền là do bà N vay riêng nhiều khoản, không liên quan đến việc bà V, ông L vay tiền của bà. Bà có thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bà V trả nợ, không yêu cầu ông L liên đới. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà không chấp nhận toàn bộ.

Bị đơn, bà Phan Thị Tuyết V (do anh Huỳnh Liêm D đại diện), trình bày: Vào sáng ngày 04/6/2024, bà Phan Thị Tuyết V, có xuống nhà bà Phan Thị Bích H để vay tiền, thì bà B có mang tiền lên nhà bà V để giáp mặt vợ chồng bà V và ông L, nhưng ông Huỳnh Thanh L không đồng ý vay tiền nên ông Huỳnh Thanh L có chở bà Phan Thị Tuyết V trả lại tiền cho bà Phan Thị B trong ngày hôm đó. Nhưng trong cùng ngày thì bà Phan Thị Tuyết V tự ý xuống, không thông qua gia đình, bao gồm chồng và con của bà V, vay của bà B số tiền 450.000.000 đồng. Bà V có ngõ lời mượn tiền của bà B để cho bà Lê Thị Hồng N đáo nợ Ngân hàng. Số tiền vay là 450.000.000 đồng. Do thời gian trước đó nhà bà N có nợ bà B 200.000.000 đồng. Bà B cũng có muốn thu hồi số tiền đó sớm nên trong lúc thỏa thuận mượn tiền thì có đề nghị không điền lãi suất coi như là bà N đáo được nợ Ngân hàng thì có trả phần tiền của gia đình bà N thiếu. Việc vay nợ giùm bà N thì không có giấy tờ gì chứng minh. Ngày 15/8/2024, khi Ngân hàng giải ngân tiền vay qua tài khoản, thì bà N có chuyển tiền cho bà B qua số tài khoản 8801664455, Ngân hàng B2, người thụ hưởng Phan Thị B, với hai lệnh chuyển tiền, có đính kèm hình ảnh chuyển tiền qua Mobile B1 và yêu cầu với số tiền lãi cho 72 ngày là 50.000.000 đồng. Sau khi bà N có chuyển tiền trả lại khoản tiền vay, thì Bà V có xuống nhà yêu cầu B trả lại tờ giấy biên nhận vay nợ, nhưng B nói là thất lạc. Bà V có xuống nhà yêu cầu trả lại giấy khoảng 4-5 lần và lần cuối cùng bà V có yêu cầu làm cái biên nhận trả tiền, thì bà B nói: "Trời ơi bà với tôi mà bà cũng sợ, tôi không có làm bậy đâu mà bà sợ". Yêu cầu Tòa án bác bỏ toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị B về việc đòi nợ số tiền 450.000.000 đồng, vì nghĩa vụ trả nợ đã được thực hiện xong.

Bà V yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn bà Phan Thị B phải hoàn trả lại cho bà V số tiền lãi đã thu vượt quá quy định pháp luật là 32.072.000 đồng. Số tiền này bà V đã thanh toán cho nguyên đơn thông qua tài khoản của bà

Lê Thị Hồng N với 2 giao dịch: Giao dịch có mã số 936847 chuyển tiền cho người thụ hưởng là bà Phan Thị B, Số tài khoản: 8801664455, Ngân hàng: B2 - Ngân hàng TMCP Đ số tiền 200.000.000 đồng vào thời gian 19:30:48 ngày 15/8/2024. Giao dịch có mã số 845084 chuyển tiền đến người thụ hưởng là bà Phan Thị B, Số tài khoản: 8801664455, Ngân hàng: B2, số tiền 300.000.000 đồng vào thời gian 19:31:40 ngày 15/8/2024. Yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị B phải xin lỗi và cải chính công khai về việc bà V đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, do hành vi đòi nợ vô lý của bà B đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của gia đình bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Hồng N, trình bày: Bà là Chủ số tài khoản: 6504.263.281.329 mở tại Ngân hàng A, đã thực hiện các giao dịch sau:

1. Giao dịch có mã số 936847 chuyển tiền cho người thụ hưởng là bà Phan Thị B, Số tài khoản: 8801664455, Ngân hàng: B2, số tiền 200.000.000 đồng vào thời gian 19:30:48 ngày 15/8/2024.

2. Giao dịch có mã số 845084 chuyển tiền đến người thụ hưởng là bà Phan Thị B, Số tài khoản: 8801664455, Ngân hàng B2, số tiền 300.000.000 đồng vào thời gian 19:31:40 ngày 15/8/2024.

Mục đích các giao dịch chuyển tiền trên là bà chuyển tiền thay (chuyển giùm) cho Phan Thị Tuyết V để trả nợ vay cho bà Phan Thị Bích .

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét việc bà B yêu cầu bà V trả cho bà B số tiền vay còn nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi 129.600.000 đồng, tổng cộng 579.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong, là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì: Bà V đã chứng minh được đã nhờ bà N chuyển tiền để trả nợ xong. Bà B thừa nhận có nhận tiền của bà N chuyển 500.000.000

đồng vào ngày 15/8/2024, nhưng cho rằng bà N nợ riêng mà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh. Trong khi bà N xác định số tiền chuyển là thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho bà V. Việc bà B cho rằng bà N còn nợ khác, thì có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà V yêu cầu nguyên đơn bà B phải hoàn trả lại cho bà V số tiền lãi đã thu vượt quá quy định pháp luật là 32.072.000 đồng là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì: Trong văn bản trình bày ý kiến, cũng như trong quá trình tiến hành tố tụng, cũng như tại phiên tòa, bà V trình bày số tiền vay là vay giùm bà N. Bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà V không phải thực hiện nữa. Đối với phần tiền lãi thì do bà N trả, do bà N chuyển tiền, nên bà N mới có quyền yêu cầu đòi lại. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà V. Nếu bà N có tranh chấp với bà B có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bà V yêu cầu Tòa án buộc bà B phải xin lỗi và cải chính công khai về việc bà V đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, do hành vi đòi nợ vô lý của bà B đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của gia đình bà V là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì: Thực tế bà V có vay tiền của bà B nên bà B mới khởi kiện, còn chứng cứ chứng minh để Tòa án có chấp nhận yêu cầu hay không thì như Hội đồng xét xử đã nhận định. Hậu quả pháp lý khi không được chấp nhận yêu cầu phải chịu án phí theo pháp luật quy định. Bà B có quyền khởi kiện do pháp luật quy định. Bà V chưa đưa ra căn cứ chứng minh bà B đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của gia đình bà V, nên không chấp nhận yêu cầu của bà V.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung tranh chấp là chưa có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, các khoản 1, 3 và 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà B phải chịu án phí do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận 27.184.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp được trừ lại. Bà V phải chịu án phí do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận 1.603.000 đồng án phí phần yêu cầu có giá ngạch (đòi tiền lãi) và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch (yêu cầu công khai xin lỗi), tổng cộng 1.903.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp được trừ lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị B, yêu cầu bà Phan Thị Tuyết V trả cho bà Phan Thị B số tiền vay 579.600.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Tuyết V, yêu cầu bà Phan Thị B trả lại cho bà Phan Thị Tuyết V số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định pháp luật là 32.072.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Tuyết V, yêu cầu bà Phan Thị B phải xin lỗi và cải chính công khai.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Phan Thị Bích C 27.184.000 đồng, được trừ lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.580.000 đồng theo Biên lai số 0008613 ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, còn phải nộp tiếp 13.604.000 (Mười ba triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

4.2. Buộc bà Phan Thị Tuyết V chịu 1.903.000 đồng, được trừ lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 801.000 đồng theo Biên lai số 0001594 ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, còn phải nộp tiếp 1.102.000 (Một triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 9 năm 2026); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú